

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Hà Thị Nga.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 836/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đàm Kim T; nơi cư trú: Số 159 H, phường A, quận L, thành phố H; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Số 159 H, phường A, quận L, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Đàm Kim T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L về chung sống với nhau từ năm 1983, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đã tiến hành

làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 04/3/1983. Sau một thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không quan tâm đến tình cảm của nhau, hai bên thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng. Đến năm 2016, ông T đã làm đơn xin ly hôn, nhưng sau đó có rút đơn lại để có cơ hội vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không cải thiện được, ngày càng trầm trọng hơn. Từ đó vợ chồng sống ly thân, ông bỏ đi khỏi gia đình vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Đến nay, qua nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, ông T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung là Đàm Minh N, sinh ngày 18/12/1983 và Đàm Kim S, sinh ngày 06/12/1988. Hiện tại các con đều đã thành niên nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Tuy nhiên, ngày 04/11/2022 bà L có gửi văn bản trình bày quan điểm như sau:

Bà L và ông T có điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông T đã trình bày là chính xác. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng lối sống, cách cư xử trong sinh hoạt gia đình, thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát. Đến năm 2013, ông T nói đi miền Nam làm kinh tế cùng bạn bè, nhưng sau đó bà L được biết ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay ông T có đơn xin ly hôn, bà xác định không còn tình cảm với ông T, nhưng vì danh dự gia đình và các con, nên bà L không đồng ý ly hôn, bà không có mặt tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Đàm Minh N, sinh ngày 18/12/1983 và Đàm Kim S, sinh ngày 06/12/1988. Hiện tại các con đều đã thành niên. Bà L không có quan điểm gì về con chung.

Về tài sản chung: Bà L không có quan điểm giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đàm Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai của mình.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa hai lần đều không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị L cư trú tại số 159 H, phường A, quận L, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Đàm Kim T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L hai lần vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm không tham gia các giai đoạn tố tụng tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt trực tiếp. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Ông Đàm Kim T và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào tháng 01/1983. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa ông T, bà L là hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung. Năm 2013 ông T và bà L đã cùng ký đơn thuận tình ly hôn nhưng chưa nộp, năm 2016 ông T đã tiếp tục làm đơn xin ly

hôn nhưng đã rút đơn do hai bên cùng đồng ý cam kết tiếp tục duy trì hôn nhân nhưng không can thiệp vào đời sống riêng tư của nhau. Ông bà đã sống ly thân hơn 10 năm nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm nhau về mọi mặt. Đến nay ông T xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L. Kết quả xác minh tại địa phương, và đại diện gia đình đều xác nhận ông T và bà L đã ly thân nhiều năm, mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải, quan hệ hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại.

[5] Về phía bà L, Tòa án đã thông tin liên lạc, niêm yết, giao các thông báo trực tiếp đến nơi cư trú của bà nhưng bà đều vắng mặt không có lý do. Mặt khác, trong đơn trình bày của bà L gửi đến Tòa án cho rằng ông T có quan hệ chung sống với người phụ nữ khác và có lối sống không hợp nhau, gây tổn thương cho bà nhiều năm nay. Vợ chồng ly thân đến nay khoảng hơn 10 năm, không còn quan tâm đến nhau, nhưng bà không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà L không đến Tòa án để hòa giải, không đưa ra được biện pháp nào để vợ chồng trở về đoàn tụ và có quan điểm đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định pháp luật, bà không có ý kiến. Điều này thể hiện việc không đồng ý ly hôn của bà L chỉ gây bức xúc tinh thần cho các bên, cũng đồng thời làm rõ việc mâu thuẫn giữa bà L, ông T là có thật (mặc dù đã có tác động hòa giải của hai bên gia đình). Từ đó cho thấy trình bày của ông T trong đơn khởi kiện cũng như tại các văn bản khác là có cơ sở.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của ông Đàm Kim T với bà Nguyễn Thị L là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung:

[7] Ông Trương và bà L đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có là Đàm Minh N, sinh ngày 18/12/1983 và Đàm Kim S, sinh ngày 06/12/1988. Hiện tại các con đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

[8] Ông Đàm Kim T có quan điểm vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị L không có quan điểm về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[9] Ông Đàm Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí và án phí, nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Đàm Kim T được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

- Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đàm Kim T.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Đàm Kim T và bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p.Cát Dài, q.Lê Chân, tp.Hải Phòng (CNKH số 29 ngày 04/3/1983);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng